BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 399 /GCN-BXD	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2018

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét đơn xin đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần Kiểm định và Xây dựng KĐ.1, ngày 04 tháng 6 năm 2018,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần kiểm định và xây dựng KĐ 1

- Địa chỉ: E11, đường Nguyễn Tất Thành, phường Phước Nguyên, thành phố Bà rịa, tỉnh Bà rịa Vũng tàu.

- Mã số thuế: 3501840541;

- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định xây

- Địa điểm đặt phòng thí nghiệm: E11, đường Nguyễn Tất Thành, phường Phước Nguyên, thành phố Bà rịa, tỉnh Bà rịa Vũng tàu.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 140**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Quyết định số 382/QĐ-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:
- Công ty CP Kiểm định và XD KĐ.1
- Sở XD tỉnh Bà rịa VT
- TT thông tin (*Website*);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 140

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Số: 399 /GCN-BXD, ngày 26 tháng 6 năm 2018)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030: 03
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016: 2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017: 2015
	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993
5	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:1993
6	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993
7	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993
8	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:1993
9	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118 : 1993
	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG, VỮA VÀ CẤP PHỐI ĐÁ DĂM	
10	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2 : 06
11	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4 : 06
12	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5 : 06
13	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572-6 : 06
14	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-6 : 06
15	Xác định hàm lượng bùn, bụi sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8 : 06
16	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9 : 06
17	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10 : 06
18	Xác định độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11 : 06
19	XĐ độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12 : 06
20	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13 : 06
21	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17 : 06
22	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20 : 06
23	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14 : 06
24	Xác định hàm lượng ion Cl^-	TCVN 7572-15 : 06
25	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16 : 06
	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
26	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03
27	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03
28	Xác khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03
29	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:03
30	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đóng rắn	TCVN 3121-11:03
31	Xác định độ hút nước của vữa đóng rắn	TCVN 3121-18:03
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ CỦA GẠCH XÂY	
32	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2 : 09
33	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3 : 09
34	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4 : 09

35	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5 : 09
36	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6 : 09
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BLOCK BÊ TÔNG	
37	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477 : 2011
38	Xác định cường độ nén	TCVN 6477 : 2011
39	Xác định độ rỗng	TCVN 6477 : 2011
40	Xác định độ hút nước	TCVN 6477 : 2011
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
41	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476: 99
42	Xác định cường độ nén	TCVN 6476: 99
43	Xác định độ hút nước	TCVN 6476: 99
44	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476: 99
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU, BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
45	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7 : 11
46	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2: 2006
47	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7: 2006
48	Xác định chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197: 2012
49	Xác định hàm lượng mất khi nung	22TCN 58: 84
50	Xác định hàm lượng nước	22TCN 58: 84
51	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58: 84
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
52	Xác định độ ổn định ở 60^0C và độ dẻo Masrshall	TCVN 8860-1 : 11
53	XĐ hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết bằng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2 : 11
54	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3 : 11
55	XĐ tỷ trọng lớn nhất , khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4 : 11
56	Xác định tỷ trọng khối và thể tích (Dung trọng) đã đầm nén	TCVN 8860-5 : 11
57	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8 : 11
58	Độ rỗng dư	TCVN 8860-9 : 11
59	Độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10 : 11
60	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11 : 11
61	Độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12 : 11
	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM	
62	Xác định độ kim lún 25^0 C	TCVN 7495 -05
63	Xác định độ kéo dài 25^0 C	TCVN 7496 -05
64	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497 -05
65	Xác định nhiệt độ bặt lửa	TCVN 7498 -05
66	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501 -05
67	Xác định lượng hòa tan trong tricloetylen	TCVN 7500 -05
68	Lượng tổn thất sau khi gia nhiệt 163^{0c} trong 5h	TCVN 7499 -05
69	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504 -05
70	Tỷ lệ độ kim lún so với sau khi nung trong 5h ở nhiệt độ 163^{0c}	TCVN 7495 -05
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
71	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195: 2012
72	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN 4196 : 2012
73	Xác định giới hạn chảy và giới hạn dẻo	TCVN 4197 : 2012

74	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198 : 2012
75	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4198 : 2012
76	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200 : 2012
77	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202 : 2012
78	Xác định đầm nén tiêu chuẩn trong phòng	22 TCN 333-06 và TCVN 4201: 2012
79	Xác định CBR của đất đá dăm trong phòng thí nghiệm	22 TCN 332: 06
80	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012
	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
81	Thử kéo	TCVN 197-1 : 2014
82	Thử uốn	TCVN 198 : 2008
83	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:1991
84	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310 : 2010
85	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311 : 2010
	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
86	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
87	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988
88	Xác định độ pH	TCVN 6492: 2011
89	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996
90	Xác định hàm lượng ion ($SO4^{2-}$)	TCVN 6200:1996
	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
91	Xác định độ chặt và độ ẩm bằng phương pháp dao vòng	22TCVN 02: 71
92	Xác định độ chặt và độ ẩm bằng phương pháp rót cát	22TCVN 346: 06
93	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864 : 2011
94	Phương pháp thử nghiệm xác định môdun đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861: 2011
95	Phương pháp thử nghiệm xác định môdun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867: 2011
96	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866: 2011
97	Đo điện trở tiếp đất	TCVN 9385 : 2012
98	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn	TCVN 9351: 2012
99	Thí nghiệm CBR ngoài hiện trường	TCVN 8821 : 2011
100	Phương pháp thử không phá hủy – Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy	TCVN 9335:2012
101	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356 : 2012
102	Cọc – Phương pháp thử nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393: 2012

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.